

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 30

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh canh cá lóc, bầu, củ sắn, nấm kim châm, hành lá, ngô ri, hạt màu điều, rau răm
- Uống sữa Netsure
Com trắng
- Thịt gà xào lá giang, ngô gai
- Canh khoai mỡ nấu tôm tươi, húng quế
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Nui vàng nấu thịt bò, su su, nấm đùi gà, cải bó xôi, hành lá, ngô ri

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngô ri)	50	8,930	4,465
8	N0753	Bánh canh	400	2,860	11,440
9	0083	Bầu	200	3,680	7,360
10	0028	Củ sắn dây	200	2,520	5,040
11	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
12	0170	Rau răm	20	4,940	988
13	N0793	Cá lóc phi lê (cá quả)	500	20,060	100,300
14	N0847	Lá giang	100	17,330	17,330
15	0165	Rau mùi tàu (ngô gai)	50	6,510	3,255
16	N0772	Thịt ức gà	1,900	12,920	245,480
17	0158	Rau húng	50	11,030	5,515
18	0751	Khoai mỡ	1,000	5,040	50,400
19	0424	Tôm sú	400	32,030	128,120
20	N0937	Nui sô	300	3,300	9,900
21	N0779	Cải bó xôi	100	8,190	8,190
22	0635	Nấm đùi gà	100	11,450	11,450
23	0180	Su su	200	3,470	6,940
24	0286	Thịt bò loại II	400	36,750	147,000
25	0455	Sữa chua	1,500	9,440	141,600

26	0457	Sữa bột toàn phần	545.06	20,500	111,737
Tổng cộng					1,110,000

Tổng tiền thực phẩm	1,110,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,110,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	15,762,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	15,761,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan